

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

**Năm báo cáo: 2016.**

**KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

## **I/Thông tin chung:**

### **1/ Thông tin khái quát:**

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Tên giao dịch : **KHANH HOA SALT JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **KHASASCO**

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4200476869 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 22/01/2002, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/01/2017.

Vốn điều lệ : **37.398.230.000 đồng** (Ba mươi bảy tỷ ba trăm chín mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **37.398.230.000 đồng.**

Địa chỉ : 108 đường 2/4, P.Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 3832778 - 3831063

Fax : (058) 3813065

Website : Khasasco.com.vn

Mã cổ phiếu : **KSC**

### ***Quá trình hình thành và phát triển:***

- Năm 2001 Công ty Muối Khánh Hòa chuyển thành Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa theo quyết định số 1366/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Vốn điều lệ 16.050 triệu đồng.

- Đến năm 2004 tại Quyết định số 706/QĐ-UB ngày 29/3/2004) V/v: Đưa giá trị của Cảng Hòn Khói (đơn vị trực thuộc Công ty) vào giá trị của Công ty bằng cách ghi tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Vốn điều lệ của Công ty (đã bao gồm giá trị của cảng Hòn Khói) là 17.111,7 triệu đồng.

- Tháng 05/2009 Công ty đã thực hiện thưởng 633.133 cổ phần từ nguồn quỹ Đầu tư Phát triển; Vốn điều lệ của Công ty: 23.443,03 triệu đồng.

- Tháng 10/2009 Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng Vốn điều lệ của Công ty lên thành 37.398,23 triệu đồng.

- Ngày 28/05/2010 Cổ phiếu Công ty cổ phần Muối được chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội với nội dung sau:

\* Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty cổ phần Muối Khánh hòa.

\* Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông.

\* Mã chứng khoán : KSC.

\* Mệnh giá : 10.000 đồng.

### **2/Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: (chiếm trên 10% tổng DT trong 02 năm gần nhất)**

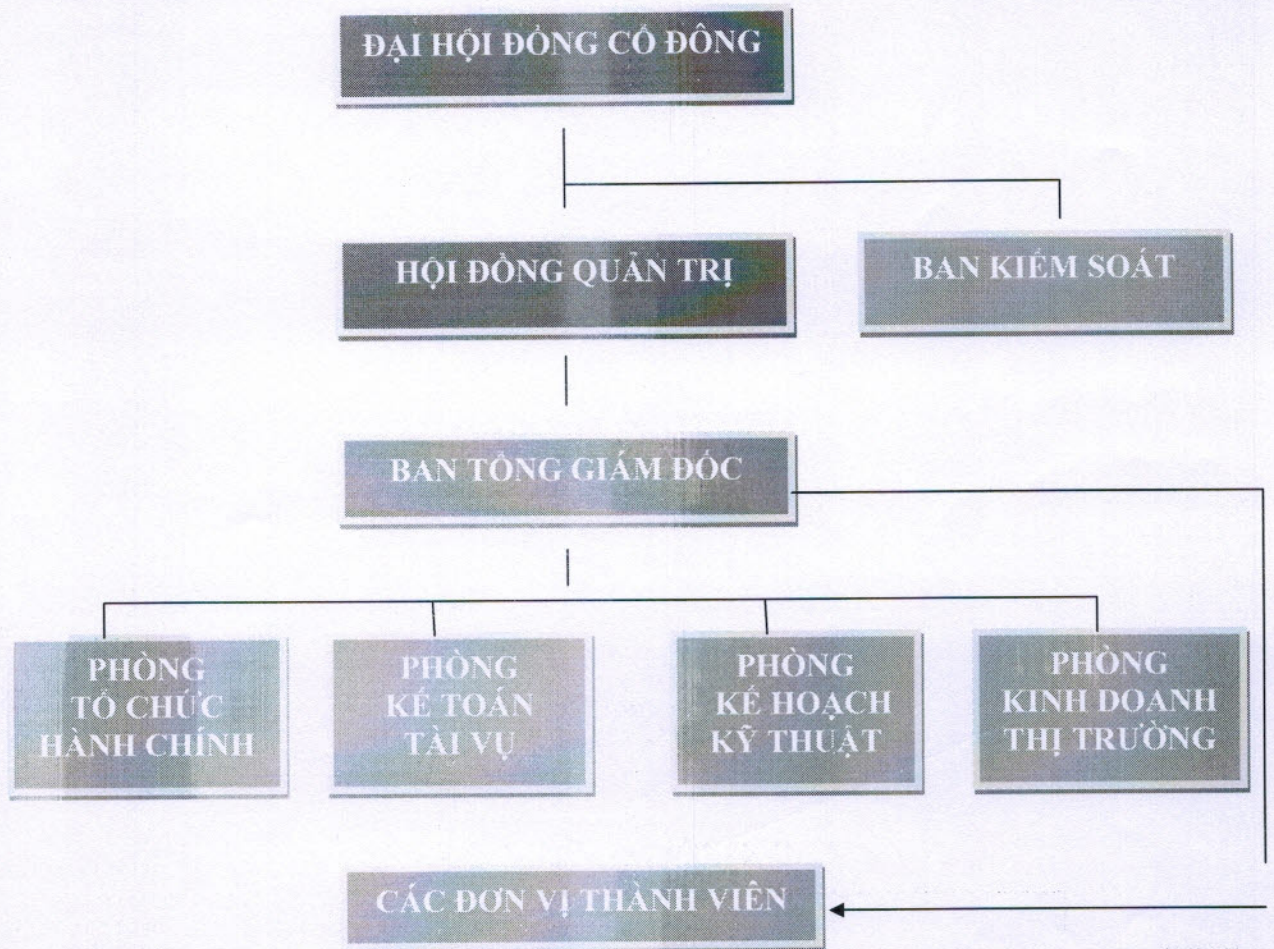
a/ Ngành nghề: Sản xuất và kinh doanh Muối hạt, muối chế biến và sản phẩm sau Muối.

Dịch vụ cảng biển, kho bãi, vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

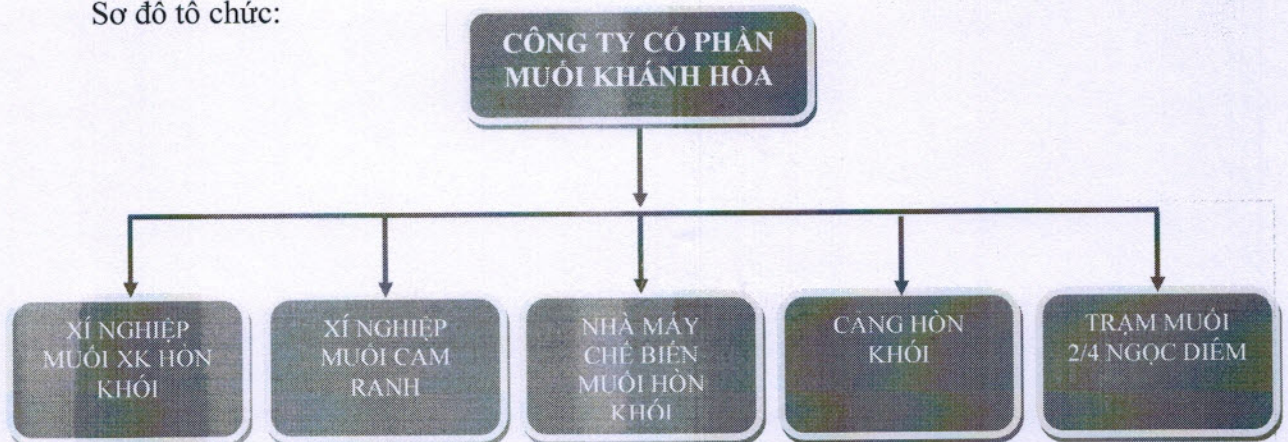
b / Địa bàn hoạt động: Tỉnh Khánh hòa, khu vực Tây nguyên và các tỉnh phía Bắc.

### **3/Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

- a/ Mô hình quản trị: Công ty cổ phần.  
b/ Cơ cấu bộ máy quản lý:



Sơ đồ tổ chức:



Trụ sở chính: **Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa**

Địa chỉ: Số 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3831065 - 3832778

Fax: (058) 3831065

Email: [ctcpmuoikh@gmail.com](mailto:ctcpmuoikh@gmail.com)

#### 4/Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, điều chỉnh công nghệ, từng bước đưa cơ giới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hạ giá thành và hạn chế sự ảnh hưởng của thời tiết.
- Đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng ngành dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Thường xuyên cập nhật thông tin, các chủ trương chính sách của Nhà nước để có những chính sách, chiến lược kinh doanh phù hợp hàng năm nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững.
- Mở rộng thị trường bằng những chính sách bán hàng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách nhanh chóng hiệu quả.
- Quan tâm công tác quảng bá thương hiệu, từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý gọn nhẹ.
- Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
  - Đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp luôn hài hòa với phát triển của cộng đồng xã hội, có chính sách hỗ trợ người dân bị thiên tai, chăm lo người nghèo...
  - Đảm bảo và thực hiện tốt an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường sản xuất, luôn tuân thủ các qui định của luật môi trường.

**5/ Các rủi ro:**

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty CP Muối Khánh Hòa là sản xuất và kinh doanh muối, là một doanh nghiệp có truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh, có uy tín về chất lượng trên thị trường, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống và tạo được nguồn tiêu thụ ổn định.

Tuy nhiên, sắp đến hàng rào thuế quan, các quy định về hạn ngạch và thuế suất nhập khẩu được dỡ bỏ thì sản phẩm của Công ty sẽ phải cạnh tranh với muối nhập khẩu, điều này sẽ ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro về thời tiết:**

Sự biến đổi khí hậu thời tiết trong những năm qua ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng của sản phẩm muối của Công ty cổ phần Muối Khánh hòa.

**Rủi ro luật pháp:**

Công ty CP Muối Khánh Hòa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. Hiện nay, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hiện Công ty đang quản lý và sử dụng trên diện tích 500 ha. Theo quy hoạch phát triển ngành muối, các địa phương sẽ duy trì diện tích muối hiện có. Tuy nhiên, đến nay các văn bản hướng dẫn cụ thể việc đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích sản xuất muối tại các địa phương chưa hoàn thiện. Do đó, rủi ro về luật pháp đối với quyền sử dụng đất làm muối hiện đang là một vấn đề mà Công ty phải cân nhắc.

**Rủi ro về tài chính:**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường. Do đó cần thiết lập các chính sách kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro về tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

**Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa.v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

**II/ Tình hình hoạt động trong năm 2016:**

**1/ Tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh:**

**a/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

| TT       | Chỉ tiêu                   | Thực hiện năm 2015 (tấn) | Năm 2016       |                 |             |
|----------|----------------------------|--------------------------|----------------|-----------------|-------------|
|          |                            |                          | Kế hoạch (tấn) | Thực hiện (tấn) | % So với KH |
| <b>1</b> | <b>Sản xuất</b>            |                          |                |                 |             |
|          | - Muối hạt                 | 51.262                   | 43.200         | 34.757          | 80,45       |
|          | - Muối chế biến các loại   | 3.804                    | 3.400          | 3.520           | 103,53      |
| <b>2</b> | <b>Xuất kho - tiêu thụ</b> |                          |                |                 |             |
|          | - Muối hạt                 | 45.182                   | 45.000         | 42.964          | 95,47       |
|          | - Muối chế biến các loại   | 3.416                    | 3.400          | 3.232           | 95,08       |
| <b>3</b> | <b>Dịch vụ</b>             |                          |                |                 |             |
|          | - Hàng qua Cảng Hòn Khói   | 385.268                  | 350.000        | 423.479         | 120,99      |

**b/ Doanh thu: (so sánh với năm liền kề)**

DVT: tr.đồng.

| TT | Khoản mục                | Năm 2015      |            | Năm 2016      |            |
|----|--------------------------|---------------|------------|---------------|------------|
|    |                          | Giá trị       | Tỷ trọng   | Giá trị       | Tỷ trọng   |
| 1  | Muối hạt                 | 32.885        | 51,75      | 25.268        | 45,55      |
| 2  | Muối chế biến, muối Nhật | 9.851         | 15,50      | 9.299         | 16,76      |
| 3  | Dịch vụ Cảng             | 17.493        | 27,53      | 20.325        | 36,64      |
| 4  | Doanh thu khác           | 3.314         | 5,22       | 585           | 1,05       |
|    | <b>Tổng cộng</b>         | <b>63.543</b> | <b>100</b> | <b>55.477</b> | <b>100</b> |

**c/ Lợi nhuận trước thuế: (so sánh với năm liền kề)**

DVT: tr.đồng.

| TT | Khoản mục                | Năm 2015      |              | Năm 2016     |              |
|----|--------------------------|---------------|--------------|--------------|--------------|
|    |                          | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị      | Tỷ trọng (%) |
| 1  | Muối hạt                 | 8.071         | 54,66        | -746         | -19          |
| 2  | Muối chế biến, muối Nhật | 1.441         | 9,76         | 632          | 16           |
| 3  | Dịch vụ Cảng             | 4.033         | 27,31        | 4210         | 108          |
| 4  | Dịch vụ khác             | 1.222         | 8,27         | -195         | -5           |
|    | <b>Tổng cộng</b>         | <b>14.767</b> | <b>100</b>   | <b>3.901</b> | <b>100</b>   |

**d/ So với kế hoạch:**

DVT: tr.đồng.

| TT | Chỉ tiêu             | Năm 2016 |           | So với kế hoạch (%) |
|----|----------------------|----------|-----------|---------------------|
|    |                      | Kế hoạch | Thực hiện |                     |
| 1  | Doanh thu            | 53.243   | 55.447    | 104,13              |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | 5.428    | 3.901     | 71,86               |

**d/ Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, Doanh thu, lợi nhuận, chi phí, sản phẩm:** Năm 2016 không có những biến động lớn về chiến lược kinh doanh.

➤ **Về sản xuất:**

Muối hạt: năm 2016 thời tiết không thuận lợi cho sản xuất muối, sản lượng muối hạt 34.757 tấn/43.200tấn đạt 80,45% kế hoạch và đạt 67,80% so với cùng kỳ năm trước.

Muối chế biến: Sản lượng muối Chế biến các loại 3.520tấn/3.400 tấn, đạt 103,53% kế hoạch và đạt 92,53% so với cùng kỳ năm trước.

➤ **Về tiêu thụ:**

Muối hạt tiêu thụ ổn định trên những thị trường truyền thống, lượng tiêu thụ 42.954 tấn/45.000tấn đạt 95,47% kế hoạch, đạt 95,06 % so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 45,55% Doanh thu toàn Công ty năm 2016.

Sản phẩm muối chế biến tiêu thụ được 3.232 tấn/3.400 tấn đạt 95,08% kế hoạch, đạt 93,33% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 16,76% doanh thu năm 2016.

➤ **Dịch vụ :** hàng qua Cảng Hòn Khói 423.479 tấn/350.000 tấn đạt 120,99 % kế hoạch, đạt 109,92% so với cùng kỳ năm 2015. Doanh thu chiếm tỷ trọng 36,64% doanh thu năm 2016.

➤ **Phân tích về Doanh thu và Lợi nhuận:**

Năm 2016 các chỉ tiêu kinh doanh và lợi nhuận đều không đạt so với kế hoạch và cùng kỳ năm 2015 do các nguyên nhân sau:

a/ Muối hạt: là sản phẩm chính Doanh thu chiếm tỷ trọng 45,55% Doanh thu của toàn Công ty. Trong năm 2016 sản lượng tiêu thụ giảm 5% và giá muối hạt giảm khoảng 25% (so với cùng kỳ 2015) vì vậy Doanh thu muối hạt năm 2016 chỉ đạt 76,83% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi Chi phí sản xuất của Công ty tăng cao do sản lượng muối hạt thấp (đạt 80,45% kế hoạch năm và đạt 67,80% so với cùng kỳ) ngoài ra việc thất thoát muối do bị ngập úng cuối vụ làm chi phí sản xuất và giá thành muối hạt tăng cao.

Kết quả kinh doanh của sản phẩm muối hạt lỗ **746 tr.đồng**.

b/ Muối chế biến: Doanh thu của sản phẩm chiếm tỷ trọng 16,76% Doanh thu của toàn Công ty, Lợi nhuận sau thuế 632 tr.đồng chiếm tỷ trọng 16% Lợi nhuận Doanh nghiệp

c/ Dịch vụ Cảng: Doanh thu của sản phẩm chiếm tỷ trọng 36,64% Doanh thu của Công ty; năm nay sản phẩm dịch vụ có mức tăng trưởng cao lượng hàng qua cảng đạt 121% so kế hoạch và đạt 110% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế 4.210 tr.đồng chiếm tỷ trọng 108% Lợi nhuận Doanh nghiệp.

Với những phân tích trên năm nay Lợi nhuận trước thuế năm đạt 71,86% so kế hoạch và bằng 26,41% so cùng kỳ năm trước.

**2/Tổ chức và nhân sự:**

**a / Danh sách Ban điều hành:**

| ST T | Họ và tên         | Chức vụ        | Năm sinh | Số CMND   | Số cổ phiếu sở hữu đến 31/12/2016 | Tỷ lệ CP/VĐL (%) |
|------|-------------------|----------------|----------|-----------|-----------------------------------|------------------|
| 01   | Văn Hiền Đức      | Tổng Giám đốc  | 1957     | 225036238 | 134.700                           | 3,60             |
| 02   | Lê văn Tâm        | Phó Tổng G.đốc | 1959     | 220772759 | 0                                 | 0                |
| 03   | Vũ Mạnh Kiên      | Phó Tổng G.đốc | 1958     | 225050335 | 0                                 | 0                |
| 04   | Hoàng Ngọc Tiên   | Phó Tổng G.đốc | 1963     | 220043708 | 496.958                           | 13,29            |
| 05   | Nguyễn thị Mỹ Huệ | Kế toán trưởng | 1966     | 220677523 | 0                                 | 0                |

**b / Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016 :**

Nghị quyết số 175/NQ/2016 ngày 26/12/2016 của HĐQT Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa: V/v Miễn nhiệm các chức danh Ban điều hành cũ và bổ nhiệm các chức danh Ban điều hành mới kể từ ngày 01/01/2017.

Danh sách Ban điều hành Công ty kể từ ngày 01/01/2017:

| ST<br>T | Họ và tên         | Chức vụ                                 | Năm<br>sinh | Số CMND   | Số cổ phiếu<br>sở hữu đến<br>31/12/2016 | Tỷ lệ<br>CP/VĐL<br>(%) |
|---------|-------------------|-----------------------------------------|-------------|-----------|-----------------------------------------|------------------------|
| 01      | Nguyễn Bá Hùng    | Phó Chủ tịch<br>HĐQT kiêm<br>Tổng G.đốc | 1970        | 220656240 | 347.738                                 | 9,30                   |
| 02      | Hồ Quang Toàn     | TV HĐQT -<br>P Tổng G.đốc               | 1964        | 225115204 | 923.000                                 | 24,68                  |
| 03      | Vũ Đình Đông      | TV HĐQT -<br>P Tổng G.đốc               | 1965        | 220368182 | 0                                       | 0                      |
| 04      | Hoàng Ngọc Tiến   | TV HĐQT -<br>P Tổng G.đốc               | 1963        | 220043708 | 496.958                                 | 13,29                  |
| 05      | Nguyễn thị Mỹ Huệ | Kế toán trưởng                          | 1966        | 220677523 | 0                                       | 0                      |

*c / Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:*

*Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2016:*

| Chỉ tiêu                         | Số lượng<br>(người) | Tỷ lệ<br>(%) |
|----------------------------------|---------------------|--------------|
| Hợp đồng không xác định thời hạn | 383                 | 100          |
| Hợp đồng có xác định thời hạn    | 0                   | 0            |
| <b>Tổng cộng:</b>                | <b>383</b>          | <b>100</b>   |

*Tóm tắt chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:*

- Công ty cổ phần Muối Khánh Hòa hiện áp dụng hệ thống lương theo thang bậc và thâm niên công tác. Người lao động được đảm bảo mọi quyền lợi theo quy định như: Đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.

- Hằng năm Công ty đều trích 15-20% Lợi nhuận sau thuế để bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi cho cán bộ công nhân viên.

- Công tác xây dựng định mức lao động và tiền lương: được rà soát và điều chỉnh bổ sung định mức hàng năm làm cơ sở khoán các khoản chi phí tiền lương và chi phí sản xuất cho đơn vị cơ sở và người lao động.

- Định kỳ hàng tháng chi trả kịp thời tiền lương cho người lao động.

- Công tác an toàn vệ sinh và bảo hộ lao động được quan tâm, trang bị đầy đủ.

**3/ Tình hình đầu tư và thực hiện các Dự án:**

a/ Các Dự án lớn: không.

b/ Các khoản đầu tư tài chính: Không.

c/ Hoạt động của Công ty con, Công ty liên kết: không.

**4/ Tình hình tài chính:**

a /Tình hình tài chính:

*ĐVT: tr.đồng.*

| CHỈ TIÊU                          | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 71.653   | 59.951   | - 16,33     |
| Doanh thu thuần                   | 63.544   | 54.892   | - 8,80      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 11.980   | 3.891    | -67,52      |
| Lợi nhuận khác                    | 2.786    | 9,9      | -99,64      |
| Lợi nhuận trước thuế              | 14,767   | 3.901    | -73,58      |
| Lợi nhuận sau thuế                | 11,746   | 3.207    | -72,69      |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 24,90%   | 6,7%     | -18,20      |

4.2/Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu                                                                                                | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1/Chỉ tiêu về khả năng thanh toán<br>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn            | 1,22     | 0,77     |         |
| +Hệ số thanh toán nhanh<br>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho<br>Nợ ngắn hạn                                   | 0,75     | 0,48     |         |
| 2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                                                                                   |          |          |         |
| + Hệ số nợ / Tổng tài sản                                                                                   | 0,22     | 0,22     |         |
| + Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu                                                                                 | 0,28     | 0,29     |         |
| 3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động<br>+ Vòng quay hàng tồn kho<br>Giá vốn hàng bán<br>hàng tồn kho bình quân | 6,19     | 12,33    |         |
| + Doanh thu thuần / Tổng tài sản                                                                            | 0,84     | 0,91     |         |
| 4/Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                                                                             |          |          |         |
| + Hệ số LN sau thuế / Doanh thu thuần                                                                       | 0,19     | 0,05     |         |
| + Hệ số LN sau thuế /Vốn chủ sở hữu                                                                         | 0,21     | 0,06     |         |
| + Hệ số LN sau thuế /Tổng tài sản                                                                           | 0,16     | 0,05     |         |
| + Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh /<br>Doanh thu thuần                                                     | 0,19     | 0,07     |         |

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a/ Cổ phần:

| Tên gọi                                   | Số lượng  | Ghi chú |
|-------------------------------------------|-----------|---------|
| Tổng số cổ phần đang lưu hành<br>Trong đó | 3.739.823 |         |

|                                    |           |  |
|------------------------------------|-----------|--|
| - Cổ phần chuyển nhượng tự do      | 3.739.823 |  |
| - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | 0         |  |

**b/ Cơ cấu cổ đông:** tính đến thời điểm 31/12/2016

+ Cơ cấu cổ đông :

| Cổ đông                    | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ/Vốn cổ phần |
|----------------------------|------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Cổ đông Nhà nước:</b>   | <b>0</b>         | <b>0</b>           | <b>0</b>          |
| <b>Cổ đông trong nước</b>  | <b>92</b>        | <b>3.739.823</b>   | <b>100%</b>       |
| - Tổ chức ( cổ phiếu quỹ ) | 01               | 99                 | 0,003%            |
| - Cá nhân                  | 91               | 3.739.724          | 99.997%           |

+ Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty :

| Tên cổ đông      | CMND      | Địa chỉ                                          | Số cổ phần | Giá trị (Tr. đồng) | Tỷ lệ/ Vốn cổ phần |
|------------------|-----------|--------------------------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| Nguyễn Thị Phụng | 030966411 | 28/292 Lạch Tray, TP. Hải Phòng.                 | 918.801    | 9.188,01           | 24,57%             |
| Hoàng Ngọc Tiến  | 220043708 | 33 Âu cơ , TP Nha trang, Tỉnh Khánh hòa          | 496.958    | 4.969,58           | 13,29%             |
| Hồ quang Toàn    | 225115204 | 64G Núi sạn, P.Vĩnh hải,TP Nha trang , Khánh hòa | 923.000    | 9.230,00           | 24,68%             |
| Nguyễn Bá Hùng   | 220656240 | Phú thành , P Ninh thủy,TX Ninh hòa, Khánh hòa   | 347.738    | 3.477,38           | 9,30%              |

**c/Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:** không thay đổi.

**d/Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 99 cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có giao dịch.

**e/Các chứng khoán khác:** Không.

**6/ Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:**

**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a/ Tổng số nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Sản xuất Muối hạt : sử dụng nước biển để sản xuất Muối.
- Sản xuất Muối chế biến: nguyên liệu chính là muối hạt .  
Nguyên vật liệu phụ: Bao bì PP (loại 20kg/bao) : 68.000 cái.  
Bao PE (loại 0,5kg/gói): 5.400.000 cái.
- Dịch vụ: không sử dụng nguyên vật liệu.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

## **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện năng: Tổng số 392.000kw/năm.  
Trong đó  
Sản xuất muối hạt: 300.000kw/năm.  
Sản xuất muối chế biến: 80.000kw/năm.  
Dịch vụ: 12.000 kw/năm.
  - Nhiên liệu:  
Dịch vụ Cảng : Dầu : 120.000 lít /năm.  
Nhớt: 2.400 lít /năm.
  - Chất đốt:  
Sản xuất muối chế biến: nguồn chất đốt tận thu: trấu, gỗ bìa... nhu cầu 1.400 ster/năm.
- b) Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

## **6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cấp nước ngọt: Công ty cấp thoát nước địa phương.

Lượng nước sử dụng: 4.000 m<sup>3</sup>/năm.

Mục đích sử dụng: phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt .

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không.

## **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

## **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động : 383 lao động

Thu nhập bình quân năm 2016: 5.375.000 đồng/người tháng.

b) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Thời gian đào tạo trung bình mỗi năm : 15 ngày/ người.

Mục đích: Trang bị kiến thức về sản xuất và tổ chức thi nâng bậc, trang bị kiến thức về an toàn trong lao động cho bộ phận Công nhân trực tiếp sản xuất.

**6.6. Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác , các hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:** Không.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không.

## **III/Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc :**

**1/ Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:**

DVT: tr.đồng.

| TT | CHỈ TIÊU                  | NĂM 2015  | Năm 2016 |           |             |
|----|---------------------------|-----------|----------|-----------|-------------|
|    |                           |           | Kế hoạch | Thực hiện | % so với KH |
| 01 | Tổng Doanh thu            | 63.543,87 | 53.243   | 55.477    | 104,20      |
| 02 | Chi phí                   | 48.777,15 | 47.824   | 51.576    | 107,84      |
| 03 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 14.766,73 | 5.429    | 3.901     | 71,85       |
| 04 | Chi phí thuế TNDN         | 3.020,97  | 1.086    | 694       | 63,90       |
| 05 | Lợi nhuận sau thuế TNDN   | 11.745,76 | 4.343    | 3.207     | 73,84       |
| 06 | Trích nộp các quỹ         | 2.349,14  | 869      | 802       | 92,31       |
| 07 | Cổ tức                    | 9.396,61  | 3.474    | 2.504     | 72,06       |
|    | Tỷ lệ cổ tức/VĐL          | 25,125    | 9,29     | 6,69      | 72,01       |
| 08 | Nộp Ngân sách             | 4.901     | 2.685    | 3.156     | 117,51      |

## 2/ Tình hình tài chính:

### a/ Tình hình tài sản:

DVT: tr.đồng

| CHỈ TIÊU              | NĂM 2015      | NĂM 2016      | % so với 2015 |
|-----------------------|---------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn      | 17.772        | 9.871         | 55,60         |
| Tài sản dài hạn       | 53.880        | 50.080        | 93,11         |
| <b>Tổng tài sản</b>   | <b>71.653</b> | <b>59.951</b> | <b>83,67</b>  |
| Tổng nợ               | 15.892        | 13.592        | 85,46         |
| Trong đó: Nợ ngắn hạn | 14.533        | 12.788        | 87,99         |
| Nợ dài hạn            | 1.359         | 804           | 59,16         |
| Vốn chủ sở hữu        | 55.761        | 46.359        | 83,14         |
| <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>71.652</b> | <b>59.951</b> | <b>83,67</b>  |

- Tổng tài sản đến ngày 31/12/2016: 59.951 tr.đồng, giảm so với năm 2015 là 11.702 tr.đồng. Nguyên nhân do các chỉ tiêu sinh lời 2016 đều giảm trong đó:

Hiệu quả sử dụng tài sản 2016:

LN sau thuế / tổng tài sản = 0,05 giảm so với 2015 là 11%.

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 46.359 tr.đồng giảm so năm 2015 là 9.401 triệu đồng tương ứng tỷ lệ giảm là 16.8%.
- Công ty không có nợ phải thu xấu hoặc tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

### b/ Tình hình nợ phải trả:

- Vay ngắn hạn phục vụ sản xuất : 8.259 tr.đồng ( tại thời điểm 31/12/2016) thời hạn vay 06 tháng,  
Nguồn thế chấp: tài sản của Công ty; Công ty vẫn đảm bảo thời hạn trả theo Hợp đồng tín dụng, không có nợ quá hạn.
- Vay dài hạn: số dư nợ 1.359 tr.đồng ( tại thời điểm 31/12/2016),  
Định kỳ trả gốc hàng quý, không có nợ quá hạn.

- Các khoản phải trả cho người bán, người mua ứng trước, phải trả khác không biến động lớn hoặc không có nợ phải trả xấu.
- Chênh lệch tỷ giá : không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

**3/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** không

**4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu và diện tích đất sản xuất muối ngày càng thu hẹp để phát triển ngành một cách bền vững, Công ty cổ phần Muối Khánh hòa đề ra những định hướng cơ bản như sau: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, điều chỉnh công nghệ, đưa cơ giới vào sản xuất với mục tiêu tăng năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm . Các giải pháp:

- Đầu tư chiều sâu diện tích kết tinh muối, xây dựng hệ thống hồi chat và hồ chứa nước chat, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đầu tư cơ giới hóa trong khâu thu hoạch muối

- Phát triển quy mô Nhà máy chế biến muối Hòn khói: đầu tư dây chuyền sản xuất muối chế biến với công suất 15.000- 20.000 tấn/năm.

- Phát triển qui mô Cảng Hòn khói: đầu tư 500m cầu bến Cảng Hòn khói, mở rộng các ngành dịch vụ để thu hút các tàu và hàng hóa cập bến làm hàng.

- Xây dựng hệ thống kho hàng, đường nội bộ, máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất của Cảng.

- Sử dụng hiệu quả toàn bộ diện tích đất đã được Nhà nước cho thuê dài hạn.

**5/ Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không.

**6/ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về xã hội và môi trường:**

➤ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Đối với hoạt động sản xuất và chế biến muối: Qui trình sản xuất tại Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ là nguồn nước biển, nguồn thải hồi là nước ọt được sử dụng để sản xuất hóa chất vì vậy sản xuất và chế biến muối hầu như không ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với hoạt động Dịch vụ, Công ty thực hiện đầy đủ quy định về việc quản lý và giám sát môi trường như : Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện việc kiểm tra giám sát và báo cáo về Đơn vị chức năng các chỉ tiêu môi trường theo định kỳ. Quản lý các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động theo qui định.

➤ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Với đặc thù của hoạt động của ngành sản xuất, chế biến Muối và dịch vụ bốc xếp: Nhu cầu của Công ty khoảng 400 lao động, trong đó lao động giản đơn khoảng 300 lao động, điều này đã giải quyết được rất lớn áp lực về vấn đề việc làm tại địa phương.

Trong quá trình sử dụng lao động, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành, tiền lương, thưởng... được chi trả kịp thời, Bảo hiểm xã hội BHYT, BH thất nghiệp... thực hiện đầy đủ. Thường xuyên quan tâm đến công tác nâng cao đời sống vật chất , tinh thần cho người lao động. Trong năm không có tranh chấp cũng như đơn khiếu nại về chính sách người lao động.

➤ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:

Doanh nghiệp luôn có trách nhiệm với cộng đồng địa phương, trong hoạt động sản xuất kinh doanh không xảy ra tình trạng mất an ninh trật tự, khiếu tố khiếu nại... Tích cực tham gia và ủng hộ các phong trào của địa phương.

**IV/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty:**

**1/ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2016, trong tình hình khó khăn chung đặc biệt là sự cạnh tranh tranh làm giá muối giảm mạnh, thời tiết không ổn định sản lượng muối không đạt kế hoạch, Với những nỗ lực nhất định Ban điều hành Công ty cũng đã thực hiện và đạt được kết quả nhất định:

➤ Về sản xuất, kinh doanh: các chỉ tiêu Sản xuất, Doanh thu, Lợi nhuận, cổ tức tuy không đạt kế hoạch, trong điều kiện khó khăn Ban điều hành đã nỗ lực phấn đấu đẩy mạnh khâu tiêu thụ, tính toán giá bán hợp lý, đẩy mạnh khâu dịch vụ, tiết kiệm chi phí ... do đó đã đạt những kết quả nhất định, đảm bảo được thu nhập và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động đưa Công ty vượt qua được giai đoạn khó khăn.

➤ Về đầu tư XDCB: thực hiện đúng kế hoạch đề ra, đang phát huy hiệu quả.

➤ Các mặt công tác khác như: Công tác phòng chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, Công tác xã hội an ninh quốc phòng, hoạt động của các đoàn thể Công ty thực hiện tốt.

## 2/ Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của Ban điều hành:

Ban giám đốc Công ty luôn nỗ lực làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, ứng phó kịp thời với những chuyển biến của thị trường, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị, ra sức tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty.

## 3/Các kế hoạch định hướng của HĐQT:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 :

| TT       | Chỉ tiêu                        | ĐVT             | Kế hoạch<br>2017 | Ghi chú |
|----------|---------------------------------|-----------------|------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Sản xuất</b>                 |                 |                  |         |
|          | Muối hạt                        | Tấn             | 43.260           |         |
|          | Muối chế biến các loại          | Tấn             | 3.600            |         |
| <b>2</b> | <b>Xuất kho - Tiêu thụ</b>      |                 |                  |         |
|          | Muối hạt                        | Tấn             | 43.260           |         |
|          | Muối chế biến các loại          | Tấn             | 3.600            |         |
| <b>3</b> | <b>Dịch vụ Cảng</b>             | Tấn             | 400.000          |         |
| <b>5</b> | <b>Các chỉ tiêu tài chính</b>   |                 |                  |         |
|          | Tổng Doanh thu                  | Tr.đồng         | 56.966           |         |
|          | Lợi nhuận trước thuế            | Tr.đồng         | 5.590            |         |
|          | Cổ tức                          | %               | 9,57             |         |
|          | Thu nhập bình quân              | 1.000đ/ng.tháng | 5.800            |         |
|          | Nộp ngân sách                   | Tr.đồng         | 2.718            |         |
| <b>6</b> | <b>Xây dựng cơ bản</b>          | <b>Tr.đồng</b>  | <b>7.802</b>     |         |
| a        | Đầu tư lót bạt ô kết tinh       | Tr.đồng         | 1.417            |         |
| b        | Đầu tư hệ thống kho             | Tr.đồng         | 627              |         |
| c        | Xây dựng Văn phòng làm việc     | Tr.đồng         | 5.000            |         |
| d        | Đầu tư hệ thống hồ chát         | Tr.đồng         | 408              |         |
| e        | Sửa chữa cầu 100m Cảng HK       | Tr.đồng         | 350              |         |
| <b>7</b> | <b>Mua sắm máy móc thiết bị</b> | <b>Tr.đồng</b>  | <b>1.500</b>     |         |

Các giải pháp:

+ **Công tác nhân sự** : Rà soát và điều chỉnh số lao động phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

+ **Công tác điều hành sản xuất** :

- Tăng cường khâu chỉ đạo và kiểm tra sản xuất muối theo quy trình; kiểm tra việc quản lý và vận hành thiết bị sản xuất, điều hành linh hoạt trong hoạt động sản xuất muối phù hợp điều kiện sản xuất từng đồng muối, từng loại muối. Thực hiện việc phân loại muối theo yêu cầu của thị trường

Đối với quy trình muối bạt che mưa: có kế hoạch thu muối phù hợp theo từng thời điểm, có kế hoạch thu hết muối vào cuối vụ để tránh thất thoát hao hụt muối.

- Sử dụng một cách hiệu quả hệ thống hồ dự trữ và điều tiết nước chạt.

- Hoàn thiện định mức Kinh tế kỹ thuật, định mức tiền lương, khuyến khích việc thực hiện tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chung của doanh nghiệp.

- Phân đầu thực hiện thu hoạch muối bằng máy khoảng 70% sản lượng ô bạt che mưa theo kế hoạch được giao.

+ **Kinh doanh - dịch vụ**:

- Tiếp tục giữ vững các thị trường truyền thống về muối hạt và muối Iốt, cung ứng đúng chủng loại muối theo nhu cầu cho từng khách hàng.

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút hàng qua cảng Hòn Khói.

- Đa dạng hóa sản phẩm muối chế biến, Xây dựng kế hoạch tiếp thị để mở rộng thị trường, đẩy mạnh khâu tiêu thụ sản phẩm muối chế biến.

#### **V/ Báo cáo tài chính:**

##### **1/ Ý kiến kiểm toán:**

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A&C) - CN Nha trang.**

- Địa chỉ: 18 Trần Khánh Dư – Nha trang – Khánh hòa.

- Kiểm toán viên chính: Nguyễn thị Lê Vy – Chứng chỉ kiểm toán số 2195-2013-008-1

- **Nội dung Báo cáo kiểm toán độc lập :**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38f, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề

nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2/ Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

(Đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính).

Nha trang, ngày 01. tháng 04 năm 2017.

**CÔNG TY CP MUỐI KHÁNH HÒA.**

**P. CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN BÁ HÙNG**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**



**MỤC LỤC**

|                                                                                                              | <b>Trang</b>   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                            | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                                                                      | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>                                                                          | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>                                        | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>    | <b>13 - 38</b> |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 1366/QĐ -TTg ngày 17 tháng 10 năm 2001 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000028 ngày 22 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 04 năm 2004 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 08 năm 2006 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 10 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 11 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 17.111.700.000 VND lên 37.398.230.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 108 đường 2/4 - phường Vĩnh Phước - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 058 - 3 831 063 - 3 831 066

Fax : 058 - 3 831 065

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| <u>Tên đơn vị</u>                          | <u>Địa chỉ</u>                                        |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Xí nghiệp Muối Xuất khẩu Hòn Khói          | phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa     |
| Nhà máy Chế biến Muối và Sản xuất Hóa Chất | phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa     |
| Xí nghiệp Muối Cam Ranh                    | xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa |
| Trạm Muối 2/4                              | xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa          |
| Cảng Hòn Khói                              | phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa      |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Sản xuất các loại muối hạt, muối chế biến, muối iốt và các sản phẩm sau muối;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại muối hạt, muối chế biến, muối iốt và các sản phẩm sau muối;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối;
- Khảo sát thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối;
- Công nghiệp hóa chất;
- Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

***Hội đồng quản trị***

| Họ và tên        | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm            |
|------------------|------------|--------------------------------------|
| Nguyễn Thị Phụng | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Văn Hiền Đức     | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Nguyễn Bá Hùng   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Hồ Quang Toàn    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Vũ Đình Đông     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Hoàng Ngọc Tiến  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Lê Nguyên Dũng   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Trương Việt Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Lê Văn Tâm       | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Vũ Mạnh Kiên     | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |

***Ban kiểm soát***

| Họ và tên       | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                      |
|-----------------|------------|------------------------------------|
| Nguyễn Anh Tú   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013 |
| Võ Vẽ           | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013 |
| Nguyễn Hữu Huân | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013 |

***Ban điều hành, quản lý***

| Họ và tên         | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm            |
|-------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Nguyễn Bá Hùng    | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Văn Hiền Đức      | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Hồ Quang Toàn     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Vũ Đình Đông      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Hoàng Ngọc Tiến   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013   |
| Lê Văn Tâm        | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Vũ Mạnh Kiên      | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |
| Nguyễn Thị Mỹ Huệ | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 08 năm 2013   |

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên      | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm miễn nhiệm             |
|----------------|---------------|--------------------------------------|
| Nguyễn Bá Hùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017   |
| Văn Hiền Đức   | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017 |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Bá Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 058/2017/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 8 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Nha Trang**



**Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

*Nguyễn Thị Lê Vy*

**Nguyễn Thị Lê Vy - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2195-2013-008-1

Nha Trang, ngày 22 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>9.871.320.085</b> | <b>17.772.384.988</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>4.377.577.951</b> | <b>5.833.500.244</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 4.377.577.951        | 1.333.500.244         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                    | 4.500.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                    | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                    | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                    | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                    | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>1.350.521.565</b> | <b>5.026.601.968</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 681.556.752          | 4.696.497.788         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        |             | -                    | 108.700.000           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                    | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                    | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                    | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.3         | 668.964.813          | 221.404.180           |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                    | -                     |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                    | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>3.655.405.137</b> | <b>6.848.158.292</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.4         | 3.655.405.137        | 6.848.158.292         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                    | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>487.815.432</b>   | <b>64.124.484</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.5a        | 16.744.183           | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                    | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | 471.071.249          | 64.124.484            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                    | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                    | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>50.080.144.679</b> | <b>53.880.434.376</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                     | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>45.073.644.273</b> | <b>49.082.029.839</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.6         | 45.073.644.273        | 49.082.029.839        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 81.557.912.453        | 81.590.114.924        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (36.484.268.180)      | (32.508.085.085)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.7         | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 35.000.000            | 35.000.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (35.000.000)          | (35.000.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>V.8</b>  | <b>2.533.703.859</b>  | <b>2.799.320.967</b>  |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 3.499.757.972         | 3.499.757.972         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (966.054.113)         | (700.437.005)         |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.9         | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>1.647.396.000</b>  | <b>1.647.396.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.10        | 1.647.396.000         | 1.647.396.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>825.400.547</b>    | <b>351.687.570</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.5b        | 825.400.547           | 351.687.570           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>59.951.464.764</b> | <b>71.652.819.364</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                     |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>13.592.429.282</b> | <b>15.892.251.098</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>12.788.429.282</b> | <b>14.533.251.098</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11a,c     | 601.474.412           | 1.584.467.575         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 286.886.583           | 301.273.743           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 109.744.652           | 767.007.437           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 1.900.257.910         | 3.640.695.111         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 144.400.000           | 71.500.000            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | 7.272.727             |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a,b     | 278.788.549           | 169.050.933           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17a,c     | 8.814.137.423         | 5.637.114.751         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 652.739.753           | 2.354.868.821         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>804.000.000</b>    | <b>1.359.000.000</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.17b,c     | 804.000.000           | 1.359.000.000         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

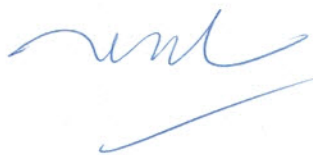
Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>46.359.035.482</b> | <b>55.760.568.266</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>46.359.035.482</b> | <b>55.760.568.266</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.19        | 37.398.230.000        | 37.398.230.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 37.398.230.000        | 37.398.230.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        | V.19        | (990.000)             | (990.000)             |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.19        | 6.457.993.250         | 6.297.644.249         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.19        | 2.503.802.232         | 12.065.684.017        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 98.567.217            | 12.065.684.017        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 2.405.235.015         | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>59.951.464.764</b> | <b>71.652.819.364</b> |



Hoàng Thị Lan Hương  
Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Huệ  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Hùng  
Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước      |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|----------------|
|                                                    |       |             |                |                |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 54.899.418.199 | 60.242.839.043 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 7.130.000      | 13.300.000     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 54.892.288.199 | 60.229.539.043 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 45.086.936.555 | 42.447.617.642 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 9.805.351.644  | 17.781.921.401 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 332.150.457    | 442.954.305    |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.5        | 537.369.071    | 381.680.039    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 531.087.479    | 381.680.039    |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.6        | 1.642.817.066  | 2.141.748.140  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.7        | 4.066.306.896  | 3.721.298.878  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 3.891.009.068  | 11.980.148.649 |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.8        | 252.921.452    | 2.871.377.151  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.9        | 243.021.749    | 84.798.196     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 9.899.703      | 2.786.578.955  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 3.900.908.771  | 14.766.727.604 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | 693.928.751    | 3.020.967.372  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -              | -              |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 3.206.980.020  | 11.745.760.232 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.10       | 686            | 2.670          |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.10       | 686            | 2.670          |

TP. Nha Trang, ngày 8 tháng 3 năm 2017

**Nguyễn Bá Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                      |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 3.900.908.771        | 14.766.727.604         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                      |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.6;V.8     | 4.339.895.674        | 4.222.827.351          |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        |             | -                    | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                    | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        | VI.4        | (353.418.182)        | (450.507.082)          |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        | VI.5        | 531.087.479          | 381.680.039            |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                    | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 8.418.473.742        | 18.920.727.912         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | 3.576.483.638        | 126.392.700            |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        | V.4         | 3.192.753.155        | (3.271.732.393)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (1.992.676.799)      | (1.245.872.641)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        | V.7a,b      | (490.457.160)        | 289.555.824            |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                    | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        | VI.5        | (531.087.479)        | (381.680.039)          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.13        | (1.920.967.372)      | (4.304.975.159)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                    | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.18        | (2.343.525.072)      | (1.956.552.472)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>7.908.996.653</b> | <b>8.175.863.732</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                      |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.6         | (65.893.000)         | (4.972.909.358)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | VI.8        | 31.818.182           | 31.818.182             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                    | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                    | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                    | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                    | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 14.250.000           | 418.688.900            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>(19.824.818)</b>  | <b>(4.522.402.276)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

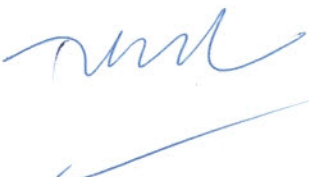
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31    |             | -                | -                |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32    |             | -                | -                |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33    | V.17a       | 25.462.022.672   | 27.883.063.004   |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34    | V.17a       | (22.840.000.000) | (26.145.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35    |             | -                | -                |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36    | V.19        | (11.967.116.800) | (9.536.296.196)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40    |             | (9.345.094.128)  | (7.798.233.192)  |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50    |             | (1.455.922.293)  | (4.144.771.736)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60    | V.1         | 5.833.500.244    | 9.978.271.980    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61    |             | -                | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70    | V.1         | 4.377.577.951    | 5.833.500.244    |

TP. Nha Trang, ngày 8 tháng 3 năm 2017



  
Hoàng Thị Lan Hương  
Người lập

  
Nguyễn Thị Mỹ Huệ  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bá Hùng  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Muối Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu muối hạt, muối chế biến, muối lốt và các sản phẩm sau muối; Nhập khẩu vật tư thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ ngành muối; Khảo sát, thiết kế, lập dự án xây dựng đồng muối; Công nghiệp hóa chất; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, kho bãi và bốc xếp hàng hóa; Vận chuyển hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tỷ lệ lãi gộp năm nay đạt 17,86% (năm trước là 29,52%) giảm 11,66% so với năm trước do giá bán muối bình quân năm nay giảm 14,84% trong khi giá thành sản xuất không biến động nhiều so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị                                 | Địa chỉ                                               |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Xí nghiệp Muối Xuất khẩu Hòn Khói          | phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa     |
| Nhà máy Chế biến Muối và Sản xuất Hóa Chất | phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa     |
| Xí nghiệp Muối Cam Ranh                    | xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa |
| Trạm Muối 2/4                              | xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa          |
| Cảng Hòn Khói                              | phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa      |

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 399 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 403 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỖI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

---

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí mua công cụ dụng cụ và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí khác*

Chi phí khác bao gồm các chi phí sửa chữa tàu, sửa chữa xe cầu ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 - 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 6             |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 4 - 8         |
| Tài sản cố định khác            | 10 - 20       |

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư từ 5 đến 15 năm.

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 13. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

#### 22. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                      | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt                                             | 87.619.659                  | 74.371.508                  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                      | 4.289.958.292               | 1.259.128.736               |
| Các khoản tương đương tiền                           | -                           | 4.500.000.000               |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | -                           | 4.500.000.000               |
| <b>Cộng</b>                                          | <b><u>4.377.577.951</u></b> | <b><u>5.833.500.244</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>    |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>74.001.900</b>  | <b>3.891.852.158</b> |
| Công ty TNHH Muối Khánh Vĩnh        | 74.001.900         | 3.891.852.158        |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b> | <b>607.554.852</b> | <b>804.645.630</b>   |
| Công ty TNHH Thịnh Tiến Đức         | 132.034.058        | 13.334.632           |
| Bà Vũ Thị Kim Dung                  | 127.865.000        | 23.700.000           |
| Công ty TNHH Hoàng Ngân             | 94.602.475         | 108.602.038          |
| Các khách hàng khác                 | 253.053.319        | 659.008.960          |
| <b>Cộng</b>                         | <b>681.556.752</b> | <b>4.696.497.788</b> |

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                             | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> | <b>668.964.813</b> | <b>221.404.180</b> |
| Tạm ứng của nhân viên                       | 117.787.350        | 91.681.974         |
| Cổ tức được chia                            | 307.350.000        | -                  |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 243.827.463        | 129.722.206        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>668.964.813</b> | <b>221.404.180</b> |

**4. Hàng tồn kho**

|                                      | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                | 813.216.803          | 824.521.177          |
| Công cụ, dụng cụ                     | 86.639.640           | 119.668.176          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | -                    | 1.885.823            |
| Thành phẩm                           | 2.755.548.694        | 5.902.083.116        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>3.655.405.137</b> | <b>6.848.158.292</b> |

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****5a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

**5b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ           | 583.504.042        | 162.471.363        |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 241.896.505        | 189.216.207        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>825.400.547</b> | <b>351.687.570</b> |

**6. Tài sản cố định hữu hình**

|                                          | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải,<br/>truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị,<br/>dụng cụ<br/>quản lý</u> | <u>Tài sản cố định<br/>khác</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                   |                                |                                                |                                          |                                 |                       |
| Số đầu năm                               | 21.581.464.194                    | 5.308.957.953                  | 7.642.233.240                                  | 137.056.005                              | 46.920.403.532                  | 81.590.114.924        |
| Mua trong năm                            | 65.893.000                        | -                              | -                                              | -                                        | -                               | 65.893.000            |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                                 | -                              | (98.095.471)                                   | -                                        | -                               | (98.095.471)          |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>21.647.357.194</b>             | <b>5.308.957.953</b>           | <b>7.544.137.769</b>                           | <b>137.056.005</b>                       | <b>46.920.403.532</b>           | <b>81.557.912.453</b> |
| <b>Trong đó:</b>                         |                                   |                                |                                                |                                          |                                 |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 1.184.661.625                     | 1.109.908.074                  | 4.359.242.764                                  | 68.321.460                               | 3.315.989.852                   | 10.038.123.775        |
| Chờ thanh lý                             | -                                 | -                              | -                                              | -                                        | -                               | -                     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

|                        | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Tài sản cố định<br>khác | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Số đầu năm             | 4.711.462.490             | 2.569.385.815          | 5.013.199.954                         | 91.986.502                      | 20.122.050.324          | 32.508.085.085        |
| Khấu hao trong năm     | 801.174.886               | 497.588.968            | 353.374.014                           | 9.819.220                       | 2.412.321.478           | 4.074.278.566         |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                         | -                      | (98.095.471)                          | -                               | -                       | (98.095.471)          |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>5.512.637.376</b>      | <b>3.066.974.783</b>   | <b>5.268.478.497</b>                  | <b>101.805.722</b>              | <b>22.534.371.802</b>   | <b>36.484.268.180</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Số đầu năm             | 16.870.001.704            | 2.739.572.138          | 2.629.033.286                         | 45.069.503                      | 26.798.353.208          | 49.082.029.839        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>16.134.719.818</b>     | <b>2.241.983.170</b>   | <b>2.275.659.272</b>                  | <b>35.250.283</b>               | <b>24.386.031.730</b>   | <b>45.073.644.273</b> |
| <i>Trong đó:</i>       |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng  | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                       | -                     |
| Đang chờ thanh lý      | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                       | -                     |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.622.876.667 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính. Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

#### 8. Bất động sản đầu tư

##### Bất động sản đầu tư cho thuê

|                    | Nguyên giá           | Giá trị hao mòn    | Giá trị còn lại      |
|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 3.499.757.972        | 700.437.005        | 2.799.320.967        |
| Khấu hao trong năm |                      | 265.617.108        |                      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>3.499.757.972</b> | <b>966.054.113</b> | <b>2.533.703.859</b> |

Bất động sản đầu tư là nhà kho cho thuê, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng cho thuê là 437.773.171 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.533.703.859 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                                         | Số đầu năm | Chi phí phát<br>sinh trong năm | Kết chuyển<br>vào chi phí<br>trong năm | Số cuối<br>năm |
|---------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------------|----------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang                                 | -          | 181.757.946                    | (181.757.946)                          | -              |
| Các công trình tại Xí nghiệp muối<br>xuất khẩu Hòn Khói | -          | 18.692.815                     | (18.692.815)                           | -              |
| Các công trình tại Xí nghiệp muối<br>Cam Ranh           | -          | 53.395.181                     | (53.395.181)                           | -              |
| Các công trình tại Cảng Hòn Khói                        | -          | 109.669.950                    | (109.669.950)                          | -              |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>-</b>   | <b>181.757.946</b>             | <b>(181.757.946)</b>                   | <b>-</b>       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công ty đã mua 204.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận, mệnh giá 10.000 VND với giá trị đầu tư là 1.647.396.000 VND, chiếm tỷ lệ 1,81%.

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

##### 11a. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                       | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b> | <b>601.474.412</b> | <b>1.584.467.575</b> |
| Công ty TNHH Mạnh Khải                | -                  | 1.153.301.000        |
| Công ty TNHH Tân Thạnh Phước          | 151.567.800        | 194.200.500          |
| Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông        | 198.250.000        | -                    |
| DNTN Thương mại và Dịch vụ Khánh Vinh | 221.029.512        | 117.815.775          |
| Các nhà cung cấp khác                 | 30.627.100         | 119.150.300          |
| <b>Cộng</b>                           | <b>601.474.412</b> | <b>1.584.467.575</b> |

##### 11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                          | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b> | <b>286.886.583</b> | <b>301.273.743</b> |
| Khanh Hoa Salt Inc., Japan               | 183.353.583        | 268.648.836        |
| Các khách hàng khác                      | 103.533.000        | 32.624.907         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>286.886.583</b> | <b>301.273.743</b> |

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                  | Số đầu năm         |                   | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm        |                    |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
|                                  | Phải nộp           | Phải thu          | Số phải nộp            | Số đã thực nộp         | Phải nộp           | Phải thu           |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa       | -                  | 64.124.484        | 1.694.846.267          | (1.527.491.828)        | 103.229.955        | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp       | 755.967.372        | -                 | 693.928.751            | (1.920.967.372)        | -                  | 471.071.249        |
| Thuế thu nhập cá nhân            | 11.040.065         | -                 | 618.446.560            | (622.971.928)          | 6.514.697          | -                  |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | -                  | -                 | 1.554.577              | (1.554.577)            | -                  | -                  |
| Tiền thuê đất                    | -                  | -                 | 139.227.100            | (139.227.100)          | -                  | -                  |
| Thuế môn bài                     | -                  | -                 | 8.000.000              | (8.000.000)            | -                  | -                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b>767.007.437</b> | <b>64.124.484</b> | <b>3.156.003.255</b>   | <b>(4.220.212.805)</b> | <b>109.744.652</b> | <b>471.071.249</b> |

##### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động sản xuất muối không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ khác là 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất 22%).

Riêng thu nhập chịu thuế đối với hoạt động tinh chế muối Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động theo qui định tại điểm e, khoản 3 điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | <b>Năm nay</b>      | <b>Năm trước</b>     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 3.900.908.771       | 14.766.727.604       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                     |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 192.038.047         | 58.232.481           |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                   | -                    |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | 4.092.946.818       | 14.824.960.085       |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | (307.350.000)       | (307.350.000)        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                 | 22%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                      | <b>757.119.364</b>  | <b>3.193.874.219</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>               | <b>(63.190.613)</b> | <b>(172.906.847)</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>693.928.751</b>  | <b>3.020.967.372</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### ***Tiền thuê đất***

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <b>Khu vực</b>          | <b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b> | <b>Đơn giá (VND/m<sup>2</sup>)</b> |
|-------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| Văn phòng Công ty       | 1.156,7                          | 30.259                             |
| Xí nghiệp muối Ninh Hải | 3.362                            | 2.100                              |
| Nhà máy chế biến muối   | 11.454,6                         | 2.310                              |
| Xí nghiệp muối Cam Ranh | 4.289,5                          | 1.296                              |
| Cầu cảng Hòn Khói       | 47.097,9                         | 1.181                              |
| Trạm 2/4                | 6.379,1                          | 648                                |

#### ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **14. Phải trả người lao động**

Số tiền lương còn phải trả cho người lao động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

#### 16. Phải trả ngắn hạn khác

##### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

|                                             | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>278.788.549</i> | <i>169.050.933</i> |
| Kinh phí công đoàn                          | 212.323.200        | 90.357.340         |
| Bảo hiểm xã hội                             | -                  | 39.577.197         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác            | 66.465.349         | 39.116.396         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>278.788.549</b> | <b>169.050.933</b> |

##### 16b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 17a. Vay ngắn hạn

|                                                                                                               | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                                                      | <i>8.814.137.423</i> | <i>5.637.114.751</i> |
| Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa <sup>(i)</sup> | 8.259.137.423        | 5.082.114.751        |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)                                                            | 555.000.000          | 555.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                                   | <b>8.814.137.423</b> | <b>5.637.114.751</b> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh muối với lãi suất vay áp dụng theo từng giấy nhận nợ tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất vay hiện đang áp dụng là 5%/năm, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ (tối đa 6 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.6).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                         | Số đầu năm           | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm          |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 5.082.114.751        | 25.462.022.672                  | -                               | (22.285.000.000)             | 8.259.137.423        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 555.000.000          | -                               | 555.000.000                     | (555.000.000)                | 555.000.000          |
| <b>Cộng</b>             | <b>5.637.114.751</b> | <b>25.462.022.672</b>           | <b>555.000.000</b>              | <b>(22.840.000.000)</b>      | <b>8.814.137.423</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỖI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17b. Vay dài hạn**

|                                                                                               | <b>Số cuối năm</b> | <b>Số đầu năm</b>    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                                       | <b>804.000.000</b> | <b>1.359.000.000</b> |
| Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa | 804.000.000        | 1.359.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                                                   | <b>804.000.000</b> | <b>1.359.000.000</b> |

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.6 và V.8), bao gồm:

- Vay để bù đắp chi phí mua 2 xe ô tô 79A-052.22 và 79A-053.34, với lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay là 48 tháng.
- Vay để lắp đặt nhà kho tiền chế tại Cảng Hòn Khói với lãi suất vay 7%/năm, thời hạn vay 56 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>    |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 555.000.000          | 555.000.000          |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 804.000.000          | 1.359.000.000        |
| <b>Cộng</b>          | <b>1.359.000.000</b> | <b>1.914.000.000</b> |

Chi tiết số phát sinh của vay dài hạn ngân hàng như sau:

|                              | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>     |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm                   | 1.359.000.000      | 958.000.000          |
| Số tiền vay phát sinh        | -                  | 1.091.000.000        |
| Số tiền vay đã trả           | -                  | (135.000.000)        |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (555.000.000)      | (555.000.000)        |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>804.000.000</b> | <b>1.359.000.000</b> |

**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                | <b>Quỹ khen thưởng</b> | <b>Quỹ phúc lợi</b> | <b>Cộng</b>        |
|--------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------|
| Số đầu năm                     | 1.362.805.746          | 992.063.075         | 2.354.868.821      |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 320.698.002            | 320.698.002         | 641.396.004        |
| Chi quỹ trong kỳ này           | (1.158.751.709)        | (1.184.773.363)     | (2.343.525.072)    |
| Điều chuyển quỹ                | (20.000.000)           | 20.000.000          | -                  |
| <b>Số cuối năm</b>             | <b>504.752.039</b>     | <b>147.987.714</b>  | <b>652.739.753</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                             | <b>Vốn đầu tư của<br/>chủ sở hữu</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển</b> | <b>Lợi nhuận chưa<br/>phân phối</b> | <b>Cộng</b>           |
|---------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước                            | 37.398.230.000                       | (990.000)           | 5.710.356.237                    | 12.205.372.026                      | 55.312.968.263        |
| Lợi nhuận trong năm<br>trước                | -                                    | -                   | -                                | 11.745.760.232                      | 11.745.760.232        |
| Trích lập các quỹ từ<br>lợi nhuận năm trước | -                                    | -                   | 587.288.012                      | (2.349.152.045)                     | (1.761.864.033)       |
| Chia cổ tức từ lợi<br>nhuận các năm trước   | -                                    | -                   | -                                | (9.536.296.196)                     | (9.536.296.196)       |
| <b>Số dư cuối năm<br/>trước</b>             | <b>37.398.230.000</b>                | <b>(990.000)</b>    | <b>6.297.644.249</b>             | <b>12.065.684.017</b>               | <b>55.760.568.266</b> |
| Số dư đầu năm nay                           | 37.398.230.000                       | (990.000)           | 6.297.644.249                    | 12.065.684.017                      | 55.760.568.266        |
| Lợi nhuận trong năm<br>nay                  | -                                    | -                   | -                                | 3.206.980.020                       | 3.206.980.020         |
| Trích lập các quỹ từ<br>lợi nhuận năm nay   | -                                    | -                   | 160.349.001                      | (801.745.005)                       | (641.396.004)         |
| Chia cổ tức từ lợi<br>nhuận năm trước       | -                                    | -                   | -                                | (11.967.116.800)                    | (11.967.116.800)      |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                   | <b>37.398.230.000</b>                | <b>(990.000)</b>    | <b>6.457.993.250</b>             | <b>2.503.802.232</b>                | <b>46.359.035.482</b> |

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                  | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| Văn Hiền Đức     | 1.347.000.000         | 1.347.000.000         |
| Nguyễn Bá Hùng   | 3.477.380.000         | 400.570.000           |
| Hoàng Ngọc Tiến  | 4.969.580.000         | 4.969.580.000         |
| Nguyễn Thị Phụng | 9.188.010.000         | 3.554.050.000         |
| Hồ Quang Toàn    | 9.230.000.000         | 6.343.720.000         |
| Các cổ đông khác | 9.186.260.000         | 20.783.310.000        |
| Cổ phiếu quỹ     | (990.000)             | (990.000)             |
| <b>Cộng</b>      | <b>37.397.240.000</b> | <b>37.397.240.000</b> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                  | <b>Theo Giấy chứng nhận<br/>đăng ký doanh nghiệp</b> |                  | <b>Vốn điều lệ đã<br/>góp (VND)</b> | <b>Vốn điều lệ<br/>còn phải góp<br/>(VND)</b> |
|------------------|------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                  | <b>VND</b>                                           | <b>Tỷ lệ (%)</b> |                                     |                                               |
| Văn Hiền Đức     | 1.347.000.000                                        | 3,60%            | 1.347.000.000                       | -                                             |
| Nguyễn Bá Hùng   | 3.477.380.000                                        | 9,30%            | 3.477.380.000                       | -                                             |
| Hoàng Ngọc Tiến  | 4.969.580.000                                        | 13,29%           | 4.969.580.000                       | -                                             |
| Nguyễn Thị Phụng | 9.188.010.000                                        | 24,57%           | 9.188.010.000                       | -                                             |
| Hồ Quang Toàn    | 9.230.000.000                                        | 24,68%           | 9.230.000.000                       | -                                             |
| Các cổ đông khác | 9.186.260.000                                        | 24,56%           | 9.187.250.000                       | -                                             |
| <b>Cộng</b>      | <b>37.398.230.000</b>                                | <b>100</b>       | <b>37.398.230.000</b>               | <b>-</b>                                      |

Công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp nhận hủy đăng ký công ty đại chúng sau 1 năm do không đáp ứng đủ điều kiện đại chúng kể từ ngày 13/10/2016 theo công văn số 7639/UBCK – GSĐC của Ủy ban Chứng khoán nhà nước ban hành ngày 22/11/2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 19c. Cổ phiếu

|                                        | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 3.739.823          | 3.739.823         |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.739.823          | 3.739.823         |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.739.823          | 3.739.823         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (99)               | (99)              |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | (99)               | (99)              |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 3.739.724          | 3.739.724         |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.739.724          | 3.739.724         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2016, Công ty đã chi trả bổ sung cổ tức năm 2015 cho các cổ đông số tiền 11.967.116.800 VND.

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Biên bản họp hội đồng quản trị ngày 02 tháng 3 năm 2017 và Điều lệ hoạt động Công ty như sau:

|                                         | <u>Số tiền (VND)</u> |
|-----------------------------------------|----------------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển (5% LNST) | : 160.349.001        |
| • Trích quỹ khen thưởng (10% LNST)      | : 320.698.002        |
| • Trích quỹ phúc lợi (10% LNST)         | : 320.698.002        |

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 20a. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản cố định của Nhà nước nhận giữ hộ khi chuyển sang Công ty cổ phần có giá trị là 1.091.148.000VND.

##### 20b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.780,67 USD (số đầu năm là 1.331,77 USD)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                            | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm   | 34.574.156.921        | 42.749.373.914        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 20.325.261.278        | 17.493.465.129        |
| <b>Cộng</b>                | <b>54.899.418.199</b> | <b>60.242.839.043</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

|                                     | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công ty TNHH Muối Khánh Vinh</b> | <b>16.116.155.053</b> | <b>26.129.135.910</b> |
| Doanh thu bán thành phẩm            | 15.787.785.000        | 25.944.524.400        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ          | 328.370.053           | 184.611.510           |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm giá hàng bán.

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                    | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 30.781.111.494        | 30.078.537.904        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp    | 14.305.825.061        | 12.369.079.738        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>45.086.936.555</b> | <b>42.447.617.642</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 14.250.000         | 111.338.900        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 10.550.457         | 15.145.175         |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia     | 307.350.000        | 307.350.000        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | -                  | 9.120.230          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>332.150.457</b> | <b>442.954.305</b> |

**5. Chi phí tài chính**

|                                | <b>Năm nay</b>     | <b>Năm trước</b>   |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay                | 531.087.479        | 381.680.039        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.281.592          | -                  |
| <b>Cộng</b>                    | <b>537.369.071</b> | <b>381.680.039</b> |

**6. Chi phí bán hàng**

|                                  | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 29.793.778           | 36.599.167           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | -                    | 1.342.658            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.613.022.363        | 2.075.356.715        |
| Chi phí bằng tiền khác           | 925                  | 28.449.600           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.642.817.066</b> | <b>2.141.748.140</b> |

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                             | <b>Năm nay</b>       | <b>Năm trước</b>     |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                   | 2.326.520.180        | 2.298.148.266        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng | 47.363.459           | 69.133.025           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 365.325.752          | 376.992.418          |
| Thuế, phí và lệ phí                         | 51.478.087           | 52.988.170           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 208.697.878          | 217.820.670          |
| Chi phí khác                                | 1.066.921.540        | 706.216.329          |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>4.066.306.896</b> | <b>3.721.298.878</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỖI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 8. Thu nhập khác

|                                        | Năm nay            | Năm trước            |
|----------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định           | 31.818.182         | 31.818.182           |
| Hoàn nhập quỹ lương dự phòng năm trước | -                  | 2.651.807.734        |
| Thu nhập khác                          | 221.103.270        | 187.751.235          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>252.921.452</b> | <b>2.871.377.151</b> |

#### 9. Chi phí khác

|                                             | Năm nay            | Năm trước         |
|---------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí giám định sức khỏe công nhân về hưu | 102.097.800        | -                 |
| Chi phí khác                                | 140.923.949        | 84.798.196        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>243.021.749</b> | <b>84.798.196</b> |

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

##### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                             | Năm nay       | Năm trước       |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 3.206.980.020 | 11.745.760.232  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                             | (641.396.004) | (1.761.864.033) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 2.565.584.016 | 9.983.896.199   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 3.739.724     | 3.739.724       |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>686</b>    | <b>2.670</b>    |

##### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.682.537.469         | 5.205.246.525         |
| Chi phí nhân công                | 28.355.420.673        | 32.889.877.402        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.339.895.674         | 4.222.827.351         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 9.028.980.600         | 7.901.381.054         |
| Chi phí khác                     | 1.905.296.922         | 1.248.017.879         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>47.312.131.338</b> | <b>51.467.350.211</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                       | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương và phụ cấp | 886.047.000          | 858.903.100          |
| Thù lao               | 321.000.000          | 321.000.000          |
| <b>Cộng</b>           | <b>1.207.047.000</b> | <b>1.179.903.100</b> |

#### **b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Muối Khánh Vinh – là Công ty do Bà Nguyễn Thị Phụng – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Giám đốc.

##### *Giao dịch với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh*

Ngoài các giao dịch bán hàng đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không còn phát sinh giao dịch nào khác với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

##### *Công nợ với Công ty TNHH Muối Khánh Vinh*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính tổng hợp nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất muối hạt và muối chế biến
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ tại Cảng Hòn Khói

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

|                                                                                     | <b>Lĩnh vực sản xuất<br/>muối hạt và muối<br/>chế biến</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ tại<br/>Cảng Hòn Khói</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Năm nay</b>                                                                      |                                                            |                                               |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 34.567.026.921                                             | 20.325.261.278                                | 54.892.288.199        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>34.567.026.921</b>                                      | <b>20.325.261.278</b>                         | <b>54.892.288.199</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | (103.642.945)                                              | 4.199.870.627                                 | 4.096.227.682         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                                            |                                               | 4.096.227.682         |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                                            |                                               | 332.150.457           |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                                            |                                               | (537.369.071)         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                                            |                                               | 252.921.452           |
| Chi phí khác                                                                        |                                                            |                                               | (243.021.749)         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                                            |                                               | (693.928.751)         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                                            |                                               | <b>3.206.980.020</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>1.150.863.883</b>                                       | <b>183.569.950</b>                            | <b>1.334.433.833</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>3.538.498.586</b>                                       | <b>1.247.499.710</b>                          | <b>5.051.615.404</b>  |
| <b>Năm trước</b>                                                                    |                                                            |                                               |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 42.736.073.914                                             | 17.493.465.129                                | 60.229.539.043        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>42.736.073.914</b>                                      | <b>17.493.465.129</b>                         | <b>60.229.539.043</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                                                     | 7.875.327.617                                              | 4.043.546.766                                 | 11.918.874.383        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                                                   |                                                            |                                               | 11.918.874.383        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                       |                                                            |                                               | 442.954.305           |
| Chi phí tài chính                                                                   |                                                            |                                               | (381.680.039)         |
| Thu nhập khác                                                                       |                                                            |                                               | 2.871.377.151         |
| Chi phí khác                                                                        |                                                            |                                               | (84.798.196)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        |                                                            |                                               | (3.020.967.372)       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                                                            |                                               | <b>11.745.760.232</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>2.202.401.057</b>                                       | <b>3.501.621.291</b>                          | <b>5.704.022.348</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>3.403.840.137</b>                                       | <b>1.372.991.171</b>                          | <b>4.776.831.308</b>  |

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|                                          | <b>Lĩnh vực sản xuất<br/>muối hạt và muối<br/>chế biến</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ tại<br/>Cảng Hòn Khói</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                       |                                                            |                                               |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 20.936.557.425                                             | 30.074.275.159                                |                       |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận              | -                                                          | -                                             | -                     |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                                                            |                                               | 8.940.632.180         |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                                                            |                                               | <b>59.951.464.764</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | <b>1.564.783.607</b>                                       | <b>930.288.400</b>                            |                       |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận          | -                                                          | -                                             | -                     |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                                                            |                                               | 11.097.357.275        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                                                            |                                               | <b>13.592.429.282</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                        |                                                            |                                               |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận            | 33.910.497.499                                             | 28.629.773.157                                | 62.540.270.656        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận              | -                                                          | -                                             | -                     |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận   |                                                            |                                               | 9.112.548.708         |
| <b>Tổng tài sản</b>                      |                                                            |                                               | <b>71.652.819.364</b> |
| <b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b> | <b>8.925.640.286</b>                                       | <b>1.780.157.601</b>                          | <b>10.705.797.887</b> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận          | -                                                          | -                                             | -                     |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận   |                                                            |                                               | 5.186.453.211         |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                  |                                                            |                                               | <b>15.892.251.098</b> |

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### **3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm trở<br/>xuống</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</b> | <b>Cộng</b>           |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                               |                                 |                       |
| Vay và nợ               | 8.809.137.423                 | 809.000.000                     | 9.618.137.423         |
| Phải trả người bán      | 601.474.412                   | -                               | 601.474.412           |
| Các khoản phải trả khác | 66.465.349                    | -                               | 66.465.349            |
| <b>Cộng</b>             | <b>9.477.077.184</b>          | <b>809.000.000</b>              | <b>10.286.077.184</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                       |
| Vay và nợ               | 5.637.114.751                 | 1.359.000.000                   | 6.996.114.751         |
| Phải trả người bán      | 1.584.467.575                 | -                               | 1.584.467.575         |
| Các khoản phải trả khác | 110.616.396                   | -                               | 110.616.396           |
| <b>Cộng</b>             | <b>7.332.198.722</b>          | <b>1.359.000.000</b>            | <b>8.691.198.722</b>  |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **3c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay có giá trị nhỏ.

#### **3d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

|                                    | Số cuối năm          |          | Số đầu năm            |          |
|------------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                    | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                      |          |                       |          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.377.577.951        | -        | 5.833.500.244         | -        |
| Phải thu khách hàng                | 681.556.752          | -        | 4.696.497.788         | -        |
| Các khoản phải thu khác            | 551.177.463          | -        | 129.722.206           | -        |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | -                    | -        | -                     | -        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>5.610.312.166</b> | <b>-</b> | <b>10.659.720.238</b> | <b>-</b> |

#### **Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

|                         | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Phải trả người bán      | 601.474.412           | 1.584.467.575        |
| Vay và nợ               | 9.618.137.423         | 6.996.114.751        |
| Các khoản phải trả khác | 66.465.349            | 110.616.396          |
| <b>Cộng</b>             | <b>10.286.077.184</b> | <b>8.691.198.722</b> |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MUỐI KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 108 đường 2/4 – Phường Vĩnh Phước – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

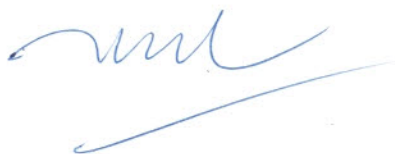
#### ***Giá trị hợp lý***

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### **5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP Nha Trang, ngày 8 tháng 3 năm 2017



**Hoàng Thị Lan Hương**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Mỹ Huệ**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Bá Hùng**  
Tổng Giám đốc